

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

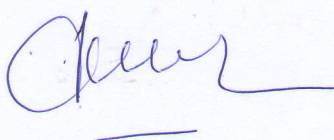
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.155.631.139	15.070.851.567
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.915.938	883.676.457
111	1. Tiền		52.915.938	883.676.457
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.401.669.553	9.944.442.633
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.799.473.264	1.835.175.656
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		777.254.439	779.937.653
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	8.517.803.142	8.538.261.101
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.692.861.292)	(1.208.931.777)
140	III. Hàng tồn kho	7	1.100.402.228	1.642.089.057
141	1. Hàng tồn kho		1.100.402.228	1.642.089.057
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.600.643.420	2.600.643.420
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	8	2.600.643.420	2.600.643.420
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.347.892.606	67.794.358.913
220	I. Tài sản cố định		16.716.756.361	11.400.148.469
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.716.756.361	11.400.148.469
222	- Nguyên giá		26.787.414.458	20.789.360.913
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.070.658.097)	(9.389.212.444)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		54.549.733.922	56.394.210.444
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	54.549.733.922	56.394.210.444
260	III. Tài sản dài hạn khác		81.402.323	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		81.402.323	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		84.503.523.745	82.865.210.480

3111
CỘNG
HẠCH NH
ĐĂNG K
A
TOÁN

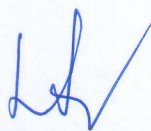
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		143.582.146.027	132.321.728.922
310	I. Nợ ngắn hạn		142.176.823.484	131.162.638.013
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	19.146.745.777	19.733.919.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		238.516.000	491.950.530
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.009.545.204	3.088.387.170
314	4. Phải trả người lao động		312.631.401	241.730.282
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	2.368.801.837	427.981.211
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	53.386.458.817	43.481.751.264
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	63.714.124.448	63.696.918.470
330	II. Nợ dài hạn		1.405.322.543	1.159.090.909
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	13	1.405.322.543	1.159.090.909
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(59.078.622.282)	(49.456.518.442)
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	(59.078.622.282)	(49.456.518.442)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		760.959.408	760.959.408
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.099.298.268	14.099.298.268
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(103.938.879.958)	(94.316.776.118)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(94.316.776.118)	(88.810.531.513)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(9.622.103.840)	(5.506.244.605)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		84.503.523.745	82.865.210.480



Phạm Mạnh Hiếu
Người lập biểu



Vũ Thị Phương Lan
Trưởng phòng TCKT



Vũ Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	6.131.518.353	3.798.938.429
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.131.518.353	3.798.938.429
11	3. Giá vốn hàng bán	18	2.129.339.894	2.122.736.078
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.002.178.459	1.676.202.351
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	801.115	446.748
22	6. Chi phí tài chính	20	10.612.562.873	10.259.455.830
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.612.562.873	10.259.455.830
25	7. Chi phí bán hàng	21	48.273.120	58.099.000
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.602.413.451	2.097.357.976
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.260.269.870)	(10.738.263.707)
31	10. Thu nhập khác	23	5.218.124.431	8.068.171.625
32	11. Chi phí khác	24	5.579.958.401	2.836.152.523
40	12. Lợi nhuận khác		(361.833.970)	5.232.019.102
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.622.103.840)	(5.506.244.605)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	25	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.622.103.840)	(5.506.244.605)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(3.297)	(1.835)

Phạm Mạnh Hiếu
Người lập biểu

Vũ Thị Phương Lan
Trưởng phòng TCKT



Vũ Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2017